

NGÔN NGỮ VÀ VĂN CHƯƠNG

GIÁ TRỊ NGÔN NGỮ THƠ CẨM BIÊU XÉT TỪ VỊ TRÍ GIEO VẦN KIỀU THANH THẢO*

TÓM TẮT: Nghiên cứu giá trị ngôn ngữ văn học dân tộc thiểu số nói chung, ngôn ngữ thơ ca dân tộc Thái nói riêng đang là vấn đề được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Bài viết này khảo sát về vị trí gieo vần trong thơ Cẩm Biêu. Thực tế cho thấy số lượng vần chân, vần lưng chiếm tỉ lệ lớn trong các tập thơ của ông. Vần chân, vần lưng đã tác động tới đặc điểm ngôn ngữ thơ Cẩm Biêu trên ba bình diện: chúng có khả năng tổ chức, cấu tạo văn bản, liên kết các dòng thơ trong khổ và các khổ thơ với nhau, nhấn mạnh sự ngừng nhịp và tạo ấn tượng trong quá trình biểu đạt ý nghĩa.

TỪ KHÓA: vần chân; vần lưng; giá trị biểu đạt nghệ thuật - nội dung; thơ; Cẩm Biêu.

NHẬN BÀI: 25/4/2022.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 15/7/2022

1. Đặt vấn đề

“*Thơ là hình thức nảy sinh đầu tiên của nghệ thuật ngôn từ*”, “*tính chất bất thường của việc tổ chức ngôn từ ở câu thơ thể hiện ý nghĩa đặc biệt, ... Nó dường như muốn tỏ ra rằng phát ngôn thơ không giản đơn là một thông báo hoặc một phán đoán lí thuyết, mà là một “hành vi” ngôn từ tự tại*” (Lại Nguyên Ân, 2003, tr.313). Vần trong thơ là “*hiện tượng các âm tiết được lặp lại hoặc gần giống nhau có vị trí nhất định trong câu để tạo nhịp điệu và tăng sức gợi cảm*” (Hoàng Phê, 2011, tr.1410). Nhờ yếu tố “vần” mà “*thơ có khả năng tái tạo giọng nói sống động và sắc thái cá nhân của tác giả; điều này được “vật chất hoá” trong kiến tạo của câu thơ*” (Lại Nguyên Ân, 2003, tr.314).

Xét về vị trí gieo vần trong thơ, “*hai lối gieo vần cơ bản là vần lưng và vần chân vẫn được chú trọng*” (Bùi Văn Nguyên, 2003, tr.317). “*Vần chân, vần lưng trong thơ có thể được xem là những “chiếc cầu bắc qua” các dòng thơ, các khổ thơ*” (Kiều Thanh Thảo, 2019, tr.17). Chúng có khả năng tổ chức, cấu tạo văn bản nhằm thực hiện chức năng liên kết trong thơ. Và do đứng ở vị trí đặc biệt, nên vần chân, vần lưng không chỉ là một hiện tượng ngữ âm thuần túy. Chúng trở thành một phương tiện nhấn mạnh hoặc làm rõ hơn ý nghĩa của vần được gieo.

Cẩm Biêu là nhà thơ dân tộc Thái. Thuộc thế hệ nghệ sĩ đầu tiên của thơ ca dân tộc thiểu số thời kì cách mạng, ông được đánh giá là “*một cánh chim lớn trên bầu trời thơ ca ở Sơn La, Tây Bắc*” (Trần Đại Tạo, 2012, tr.170). Năm 2011, ông được Hội Văn học, nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam vinh danh *Văn nghệ sĩ tiêu biểu*. Ông “*đến với “đường thơ” không qua trường lớp mà học trong dân ca, sách cổ*” (Trần Thị Việt Trung, 2013, tr.572). Sáng tác thơ tiêu biểu của Cẩm Biêu phải kể đến là các tập thơ: *Thơ ca Hạn Khuống* (1957), *Cầu vào bản* (1982), *Ánh hồng Điện Biên* (1984), *Thơ cưới xin và lên nhà mới* (1992), *Bản Mường nhớ ơn* (1994), *Ngọn lửa không tắt* (1994) (Trần Đại Tạo, 2012, tr.23).

Đề cập đến vần chân, vần lưng trong thơ Cẩm Biêu cho thấy, tần số xuất hiện của chúng dày đặc trong thơ ông. Chúng có giá trị nghệ thuật thể hiện ở khả năng tổ chức, cấu tạo văn bản; khả năng nhấn mạnh sự ngừng nhịp; và một khía cạnh thuộc giá trị nội dung là khả năng biểu đạt ý nghĩa, tư tưởng. Bài viết dưới đây tiến hành khảo sát cụ thể số lượng vần chân, vần lưng trong thơ Cẩm Biêu và phân tích giá trị của chúng trong việc tổ chức, cấu tạo văn bản; nhấn mạnh sự ngừng nhịp và biểu đạt ý nghĩa.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khảo sát vị trí gieo vần trong thơ Cẩm Biêu

Dựa vào vị trí gieo vần, chúng tôi khảo sát số lượng vần chân, vần lưng trong thơ Cẩm Biêu. Bài viết sử dụng ngữ liệu gồm: 12 bài thơ in trong tập *Cầu vào bản* (1982), 32 bài thơ in trong tập *Ánh hồng Điện Biên* (1984), 7 bài thơ in trong tập *Bản Mường nhớ ơn* (1994), 102 bài thơ in trong tập *Ngọn lửa không tắt* (1994).

2.1.1. Vần chân

* Trường Đại học Tây Bắc; Email: kieuthanhthao206@utb.edu.vn

Vần chân là vần được gieo vào cuối dòng thơ. Vần chân gồm vần liền, vần cách. Vần liền được hiểu là vần được gieo liên tiếp ở các dòng thơ. Vần cách là vần không gieo liên tiếp nhau, thường cách ra một dòng thơ. Chẳng hạn, bài thơ *Chiềng Lề xưa, Chiềng Lề nay* (Cầm Biều, 1994, Ngọn lửa không tắt, tr.325) có đoạn:

“*Mắt lều gianh ta được rập hát/Mắt phố Khách có dãy lều cao/ Chiềng Lề nay dài rộng biết bao/ Phố xá tận Cao Pha, Bản Ái*”

“Cao” và “bao” hiệp vần chân là vần liền trong hai câu thơ nối tiếp, liền kề nhau.

Trong bài thơ *Với tấm thẻ Đảng* (Cầm Biều, 1994, Ngọn lửa không tắt, tr.185) có đoạn:

“*Tôi ngắm nhìn tình tường/ Thấy tình quê hồn nước/ Tình giai cấp bốn phương*”.

Hai âm tiết: “tường” và “phương” hiệp vần chân là vần cách với nhau nằm cuối hai dòng thơ, và hai dòng thơ này cách nhau bằng một dòng thơ khác.

Với cách xác định này, các cặp vần chân trong thơ Cầm Biều đã được thống kê (X. Phụ lục), cụ thể như sau:

Bảng 1. Các cặp vần chân trong thơ Cầm Biều

STT	Tập thơ	Vần liền		Vần cách		Tổng số cặp vần
		Số lượng	%	Số lượng	%	
1	Ánh hồng Điện Biên	56	73,7	20	26,3	76
2	Bản mừng nhớ ơn	47	94,0	3	6,0	50
3	Câu vào bản	50	80,6	12	19,4	62
4	Ngọn lửa không tắt	308	87,0	46	13,0	354
	Tổng số	461	85,1	81	14,9	542

Bảng 1 cho thấy: số lượng cặp vần chân trong thơ Cầm Biều là 542. Trong đó, có 461/542 vần là vần liền (chiếm 85,1%), 81/542 vần là vần cách (chiếm 14,9%), chênh lệch 70,2%. Điều này chứng tỏ Cầm Biều có khuynh hướng gieo vần liền là chủ đạo và vần liền chiếm phần lớn trong các tập thơ của ông.

2.1.2. Vần lưng

Vần lưng là vần được gieo ở giữa dòng thơ. Gieo vần lưng có thể rơi vào một trong hai trường hợp: Một là, hiệp vần xảy ra giữa âm tiết cuối của câu trước với âm tiết giữa của câu sau. Hai là, hiệp vần ở hai âm tiết giữa các dòng thơ liền nhau. Chẳng hạn, trong bài thơ *Với văn công tình nhà* (Cầm Biều, 1994, Ngọn lửa không tắt, tr.353) có đoạn:

“*Sánh cùng gắp vốc, lựa đào/ Em xoè em múa, khác nào rồng bay*”

“Đào” và “nào” là hai âm tiết được hiệp vần lưng với nhau. Đây là trường hợp hiệp vần giữa âm tiết cuối (“đào”) của câu trước với âm tiết giữa (“nào”) của câu sau.

Hoặc, trong bài thơ *Có tổ đối công* (Cầm Biều, 1984, Ánh hồng Điện Biên, tr.22) có đoạn:

“*Đến ngày nay, nhờ bản mường giải phóng/ Làm ruộng nương có tổ đối công*”

“Mường” và “nương” là hai âm tiết được hiệp vần lưng với nhau. Đây là trường hợp hiệp vần ở hai âm tiết giữa các dòng thơ liền nhau.

Với cách xác định này, hai trường hợp hiệp vần lưng trong thơ Cầm Biều đã được thống kê cụ thể như sau:

Bảng 2. Các trường hợp hiệp vần lưng trong thơ Cầm Biều

STT	Tập thơ	Trường hợp 1		Trường hợp 2		Tổng số cặp vần
		Số lượng	%	Số lượng	%	
1	Ánh hồng Điện Biên	84	91,3	8	8,7	92
2	Bản mừng nhớ ơn	34	97,1	1	2,9	35
3	Câu vào bản	39	90,7	4	9,3	43
4	Ngọn lửa không tắt	203	91,0	20	9,0	223
	Tổng hợp	360	91,6	33	8,4	393

(Chú thích: Trường hợp 1 hiệp vần giữa âm tiết cuối của câu trước với âm tiết giữa của câu sau; Trường hợp 2: hiệp vần ở hai âm tiết giữa các dòng thơ liền nhau)

Bảng 2 cho thấy, xét riêng vần lưng trong thơ Cầm Biều, trường hợp 1 với 360/393 vần lưng hiệp

vần giữa âm tiết cuối của câu trước với âm tiết giữa của câu sau (91,6%) chiếm tỉ lệ vượt trội so với trường hợp 2 với 33/393 hiệp vần ở hai âm tiết giữa các dòng thơ liền nhau (8,4%).

2.2. Giá trị của vần lưng, vần chân trong thơ Cầm Biều

Tìm hiểu đặc điểm ngôn ngữ trong thơ Cầm Biều xét từ vị trí gieo vần (vần chân, vần lưng), chúng tôi xét 3 khía cạnh, trong đó có hai khía cạnh thuộc giá trị nghệ thuật: khả năng tổ chức, cấu tạo văn bản; khả năng nhấn mạnh sự ngừng nhịp; và một khía cạnh thuộc giá trị nội dung: khả năng biểu đạt ý nghĩa, tư tưởng.

2.2.1. Khả năng tổ chức, cấu tạo văn bản

Theo tác giả Bùi Văn Nguyên trong cuốn *Thơ ca Việt Nam hình thức và thể loại*, vị trí gieo vần thông thường tạo ra vần chân, vần lưng. Nếu như khi xét mức độ hoà âm của vần trong thơ phải “dựa theo từng kiểu quan hệ khác nhau của những âm vị trong các âm tiết hiệp vần” (Lê Anh Hiền, 2002) thì khi xét vị trí gieo vần, phải cân nhắc sự hiệp vần của các âm tiết có khả năng tổ chức, cấu tạo văn bản.

Các cặp vần chân, vần lưng trong thơ Cầm Biều được khảo sát có khả năng tổ chức, cấu tạo văn bản. Chúng có thể được xem là yếu tố gắn kết các dòng thơ, tạo nên mối liên kết chặt chẽ giữa các câu thơ liền kề.

Chẳng hạn, bài thơ *Dân có Đảng như con có mẹ* (Cầm Biều, 1982, Cầu vào bản, tr.131) có đoạn: “Được biết mình có quyền ăn quyền nói/ Về chân tay không còn bị trói/ Bẻ nát gông, ngẩng đầu lên đứng thẳng/ Từ kiếp xưa làm thân trâu ngựa/ Ta vươn lên thành người chủ bản mường/ Dốc sức lực kiến thiết lấy quê huong”. Đoạn thơ này xuất hiện các cặp vần lưng: “nói” - “trói”, “mường” - “huong”. Các cặp vần chân này đã liên kết các câu thơ liền kề, giúp các câu thơ, đặc biệt là các câu thơ hiệp vần được tổ chức một cách chặt chẽ. Chúng tạo thành các cấu trúc cặp thơ sóng đôi, vừa dễ gây ấn tượng với độc giả vừa làm cho cấu tạo văn bản thơ được gắn kết “mượt mà”, dễ tiếp nhận.

Hay, bài thơ *Đời cui măng* (Cầm Biều, 1994, Ngọn lửa không tắt, tr.332) có đoạn: “Ngày xưa đi chợ Chiềng Lê/ Khi đi gánh cui, khi về khúc xương/ Lối đi non nửa ngày đường/ Gió Lào cướp thịt, tro xương xách về”. Đoạn thơ lục bát này xuất hiện các cặp vần lưng: “Lê” - “về”, “đường” - “xương”, “đường” - “xương”. Các cặp vần lưng này có khả năng liên kết các câu lục, câu bát rất rõ. Cặp vần “Lê” - “về” gắn kết cấu trúc lục bát, tiếng thứ sáu “Lê” của câu sáu chữ vần với tiếng thứ sáu “về” của câu tám chữ. Cặp vần “xương” - “đường” cũng gắn kết cấu trúc thơ lục bát, tiếng thứ sáu “đường” của câu tám chữ vần với tiếng thứ sáu “đường” của câu sáu chữ. Cặp vần “đường” “xương” gắn kết cấu trúc lục bát, tiếng thứ sáu “đường” của câu sáu chữ vần với tiếng thứ sáu “xương” của câu tám chữ. Các cặp vần lưng này đã góp phần giúp nhà thơ Cầm Biều tổ chức, cấu trúc bài thơ lục bát một cách hoàn chỉnh, đúng âm luật.

Không chỉ đóng vai trò quan trọng trong việc tổ chức gắn kết các câu thơ liền kề, vần chân, vần lưng trong thơ Cầm Biều còn có khả năng liên kết các khổ thơ với nhau.

Chẳng hạn, trong bài *Bữa ăn* (Cầm Biều, 1994, Ngọn lửa không tắt, tr.180) có đoạn:

Thảo nào anh thả hồn lơ lửng

Phò nếp “tan” một chũa

Bay quanh miệng chõ xôi

Chưa chịu nhường ngô sắn lên ngôi

Cho nên anh phá sạch núi đồi

Cả tương lai con cháu

Mặc lũ nguồn xói trôi

Cả ninh đồng, chõ xôi

Trong hai khổ thơ trên, xuất hiện các cặp vần chân “xôi” - “ngôi”, “ngôi” - “đồi”, “đồi” - “trôi”, “trôi” - “xôi” có tác dụng liên kết các dòng thơ trong cùng một khổ thơ. Cặp vần chân: “ngôi” - “đồi” có tác dụng liên kết các dòng thơ ở khổ thơ nối tiếp. Âm tiết cuối của dòng thơ cuối cùng ở khổ thơ trên, bắt vần với âm tiết cuối cùng của dòng thơ đầu tiên của khổ thơ dưới. Và như vậy, vần chân trong thơ Cầm Biều giống như một “cây cầu bắc qua một khúc sông và nối hai bờ lại với nhau”. Giả như, không được gieo vần chân ở vị trí này, khoảng cách giữa hai khổ thơ có thể xuất hiện, hai khổ thơ gần nhau nhưng lại rời rạc, không có sự liên kết. Do đó, vần chân giúp cho trình tự các khổ thơ trong một bài thơ liền mạch, thống nhất với nhau theo một cấu trúc hoàn chỉnh. Đồng thời, ý thơ nhờ vần chân liên kết được tiếp nối, không bị ngắt quãng, đứt đoạn.

Hoặc, trong bài thơ *Không ai xích được tinh thần cách mạng* (Cầm Biều, 1994, Bản mừng nhớ ơn, tr.3), có đoạn:

*“Đồng bào ven đường “công vua”/ Mặc xà lù lính giục tây mắng/ Vãn ủa ra sôi rẻo com trắng
Bảng súng gặt không chịu tản ra*

Lê xiềng đi đi mãi càng xà/ Mẩu dẫu chân lạ vết dẫu loang cách mạng/ Mỗi hơi thở là một lời cáo trang/ Tội tày trời của bạn sỏi lang”

Ở hai khổ thơ trên xuất hiện các cặp vần chân “mắng” - “trắng”, “mạng” - “trạng”, “trạng” - “lang” và cặp vần lưng “xa” - “là” có vai trò gắn kết các dòng thơ trong cùng một khổ thơ. Cặp vần chân “mắng” - “trắng” liên kết hai dòng thơ ở khổ thơ thứ nhất. Cặp vần lưng “xa” - “là” và các cặp vần chân “mạng” - “trạng”, “trạng” - “lang” liên kết các câu thơ ở khổ thơ thứ hai. Đặc biệt, cặp vần chân “ra” - “xa” có tác dụng liên kết hai khổ thơ với nhau. Khiến cho lời thơ khi chuyển khổ vẫn được gắn kết chặt chẽ, góp phần “nối liền” cảm xúc trong việc biểu đạt tư tưởng của tác giả.

Do đó, có thể thấy khả năng tổ chức, cấu tạo văn bản là một trong những vai trò của vần lưng, vần chân. Nó giúp cho văn bản thơ Cầm Biều được gắn kết, tạo thêm “chất thơ” hơn cho các bài thơ của ông.

2.2.2. Khả năng nhấn mạnh sự ngừng nhịp

Vần chân, vần lưng trong thơ Cầm Biều có khả năng nhấn mạnh sự ngừng nhịp. Nhịp là kết quả của một sự chuyển động nhịp nhàng, sự lặp lại đều đặn những âm thanh nào đó trong thơ. Sự ngắt nhịp là tiền đề của hiện tượng gieo vần. Nhưng một chiều khác, chính vần cũng có tác động trở lại nhịp. Sự tác động này biểu hiện ở chỗ: khi có sự hỗ trợ của vần thì nhịp ngừng, nhịp ngắt trở nên dễ dàng hơn, lâu và “đậm” hơn. Thậm chí, “giả như những dòng thơ có vần chân của một khổ thơ nào đó không được viết rời ra theo thông lệ, mà lại viết gần nhau như trong văn xuôi thì sự tồn tại của vần vẫn nhắc người ta phải ngừng, phải ngắt nhịp sau các vần đó” (Kiều Thanh Thảo, 2019). Do đó, hiệu quả ngữ âm do vần chân tạo nên, trong một số trường hợp, đã làm cho chỗ ngừng sau âm tiết - vần còn dễ nhận thấy hơn chỗ ngừng ngữ điệu - cú pháp.

Xét về khả năng nhấn mạnh sự ngừng nhịp ở cuối dòng thơ, vần chân, vần lưng trong thơ Cầm Biều giữ vai trò quan trọng. Chẳng hạn, trong bài thơ *Không ai xích được tinh thần cách mạng* (Cầm Biều, 1994, Bản mừng nhớ ơn, tr.3) có đoạn:

“Vang lên núi/ vọng vào hang/

Rồi khắc sâu/ kỉ ức dân làng/

Từ tình người/ biết yêu biết ghét/

Từ nỗi khổ/ hiểu rõ nguyên do/

Đường khúc khuỷu/ dốc đứng quanh co/

Lòng cộng sản/ thẳng như mực thước/

Biên tù nhân/ thành những học trò/

Biển nhà tù/ thành trường cách mạng/”

Các khổ thơ trên có các âm tiết được hiệp vần chân với nhau: “hang” - “làng”, “do” - “co”, “co” - “trò”. Các cặp vần chân này giúp cho nhịp điệu câu thơ được nhấn mạnh ở vị trí cuối các dòng thơ, giúp cho độc giả lưu dấu nhịp điệu “rất vang” ở vị trí này khi đọc.

Hoặc, trong bài thơ *Cánh còn xuân Quý Sửu* (Cầm Biều, 1984, Ánh hồng Điện Biên, tr.165) có đoạn:

“Tết này/ vốn từ thuở ông cha/

Hàng năm/ già trẻ mong ngày tết/

Tết chẳng đến,/ chỉ thấy tuổi xuân qua///

Thế gian này/ đã mấy lần bóc lịch/

Việt Nam mình/ đã bao lần đổi thịt thay da”

Đoạn thơ trên có các âm tiết được hiệp vần chân với nhau: “cha” - “qua”, “qua” - “da”. Các âm tiết “cha” - “già”, “già” - “qua”, “lịch” - “thịt” được hiệp vần lưng. Các cặp vần chân, vần lưng này có tác dụng tạo hiệu ứng mạnh trong cách ngắt nhịp cuối dòng thơ. Giúp cho chỗ ngắt nhịp cuối các dòng thơ được nhấn mạnh hơn, gây được ấn tượng ngữ âm tốt hơn tới độc giả. Và như vậy, vần chân, vần lưng trong thơ *Cánh còn xuân Quý Sửu* của tác giả Cầm Biều có chức năng phân giới, là một tín hiệu đầy là điểm ngừng, điểm ngắt nhịp dòng thơ.

Không chỉ có khả năng nhấn mạnh sự ngừng nhịp ở cuối dòng thơ, vần chân, vần lưng trong thơ Cầm Biều còn góp phần tạo nên tiết tấu hài hoà trong từng câu thơ.

Chẳng hạn, trong bài thơ *Có điện có mọi thứ* (Cầm Biều, 1982, Cầu vào bản, tr.163) có đoạn:

"Nhanh như điện,/ tiếng nói không ngoa/

Chị cả hãy bật bông/ khi tiếng hát trên đài/
Các cháu nhỏ học bài/ thì với tiếng máy xay/
Em không lo bỏ học/ vì già cảm cho lợn/

Chị không bận tiếc chồng/ vì già gạo lưng phải
địu con/

Không tôi tớ/ mà nước khác đến tận nhà/
Không hầu hạ/ mà gạo khác trắng đầy bụng/
Thế mới nói!/ "nước dưới suối biến thành lửa
hồng"

Đoạn thơ trên có các âm tiết được hiệp vần lưng với nhau "đài" - "bài", "nhà" - "hạ". Các cặp âm tiết hiệp vần "đài" "bài" giúp cho hai dòng thơ liên kết cùng chung nhịp 5/5. Các âm tiết "nhà" - "hạ" giúp cho hai dòng thơ liên kết cùng chung nhịp 3/6. Điều này khiến lời thơ mang "tính nhạc". Đồng thời, các cặp vần lưng trên khi được xem như các dấu hiệu để ngắt nhịp câu thơ, sẽ giúp người đọc chủ động dừng hơi, góp phần tạo nên sự rõ ràng, mạch lạc của nhịp thơ.

Hay, trong bài thơ *Lò rèn bác Sam* (Cầm Biều, 1994, Bản mừng nhớ ơn, tr.18) có đoạn:

"Bể lò/ bác có ngọn lửa đỏ/

Ngọn lửa đỏ/ như lòng bác tỏ/ hơn sao/

Tiếng còi tập binh đào/ hoà nhịp tiếng búa

Tiếng đẻ reo lửa toé/ rực sao vàng...

Cách mạng về/ bác giục lửa reo/

Đón hơi sức/ vươn theo/ trai trẻ"

Đoạn thơ trên có các âm tiết được hiệp vần lưng với nhau: "lò" - "đỏ" - "đỏ" - "tỏ", "sao" - "đào", "reo" - "theo". Chính sự xuất hiện của các âm tiết được hiệp vần lưng kể trên đã giúp cho các câu thơ được ngắt và tạo ra nhịp điệu đặc biệt (nhịp 2/5 ở câu đầu, nhịp 3/4/2 ở câu thứ hai, nhịp 3/4 ở câu thứ năm, nhịp 3/2/2 ở câu thứ sáu). Mỗi khi đọc đến âm tiết được hiệp vần lưng này, độc giả sẽ ngắt hơi một cách tự nhiên, góp phần tác động vào việc nhấn mạnh nhịp điệu câu thơ.

Như vậy, khả năng nhấn mạnh sự ngừng nhịp cũng là một trong những vai trò của vần lưng, vần chân trong thơ Cầm Biều. Nó tạo nên những ấn tượng nhịp điệu rõ ràng của từng câu thơ trong văn bản, góp phần xây dựng tiết tấu nhịp điệu ấn tượng trong từng dòng thơ.

2.2.3. Khả năng biểu đạt ý nghĩa

Trong dòng thơ, âm tiết hiệp vần luôn được nêu bật hẳn lên so với các âm tiết khác. Vì thế, vần chân, vần lưng trong thơ Cầm Biều có sức mạnh biểu hiện ý nghĩa. Trong một dòng thơ, âm tiết hiệp vần luôn được nêu bật hẳn lên so với các âm tiết khác. Về ngữ âm, âm tiết mang vần bao giờ cũng được nhấn mạnh hơn so với các âm tiết bên cạnh. "Có thể coi âm tiết hiệp vần là một đơn vị tách khỏi lời nói bình thường để "cộng hưởng", để đối chiếu với một đơn vị khác bất vần với nó" (Kiều Thanh Thảo, 2019). Vì vậy, âm tiết hiệp vần trở thành "tiêu điểm" trong thơ. Đây là một cơ sở khách quan làm cho người đọc thơ, người ngâm thơ hay chú ý đến những âm tiết hiệp vần. Và do đứng ở vị trí đặc biệt như thế, cho nên vần chân, vần lưng không chỉ là một hiện tượng ngữ âm thuần túy. Trong nhiều bài thơ của mình, nhà thơ Cầm Biều đã tận dụng vần để làm tăng sức mạnh biểu đạt ý nghĩa cho câu thơ, bài thơ.

Chẳng hạn, bài thơ *Thị xã Sơn La* (Cầm Biều, 1982, Cầu vào bản, tr.152) có đoạn: "*Đất Sơn La chúng ta/ Đã qua bao chìm nổi/ Nơi nước độc âm u/ Nơi ngục tù đen tối*". Những câu thơ này, tác giả Cầm Biều đã gieo vần lưng "ta" - "qua", "u" - "tù". Các cặp vần lưng đã khiến độc giả ấn tượng về vùng đất Sơn La của đồng bào các dân tộc. Nơi đó được mệnh danh là "rừng thiêng nước độc", vùng đất đã trải qua những thăng trầm thời gian, với những dấu ấn cách mạng gắn với "ngục tù" tăm tối.

Hoặc, bài thơ *Không dám xử công khai* (Cầm Biều, 1994, Bản mừng nhớ ơn, tr.12) kể về việc giặc Tây không dám xử tội công khai người anh hùng Lò Văn Giá, có đoạn: "*Hãy cho ta nhắn tin cùng với đồng bào/ Hãy sẵn sàng mài dao thật sắc/ Đuổi giặc Tây khỏi mường/ Đạp gông cùm cuồng nhốt xuống hang*". Ở đây, tác giả đã gieo vần lưng "bào" - "dao". Các âm tiết hiệp vần trong các từ/cụm từ: "đồng bào", "mài dao" đã nhấn mạnh đối tượng được kêu gọi trong lời thơ. Đây là lời nhắn nhủ tới đồng bào các dân tộc anh em cùng chung sống trên mảnh đất Sơn La, Tây Bắc cùng đứng lên, cùng "sẵn sàng mài dao" - chuẩn bị vũ khí chiến đấu để đánh đuổi giặc Tây đã giày xéo "đồng bào" trong "gông cùm cuồng nhốt" (chế độ phục dịch cho Phỉa Tào).

Hay, bài thơ *Điều thuốc* (Cầm Biều, 1994, Ngọn lửa không tắt, tr.195): "*Gặp nhau gọi chút quà/ Tặng anh điều Sa Pa/ Anh cho điều Đà Lạt/ Tôi mừng, anh gật/ Đất nước mình tuyệt thật/ Của cải mình làm ra/ Dù xa mấy thì xa/ Vẫn hương vị một nhà*". Bài thơ này được tác giả Cầm Biều gieo toàn

vần chân, gồm các cặp: “quà” - “Pa”, “gật” - “thật”, “ra” - “xa”, “xa” - “nhà”. Mỗi cặp vần chân lại giúp người đọc liên kết tới một ý nghĩa khác nhau. Cặp vần “quà” - “Pa” cho độc giả hình dung ra một sự việc đời thường, có thể diễn ra trong đời sống của tác giả. Cặp vần “gật” - “thật” cho độc giả cảm nhận được cảm xúc, tình yêu của nhà thơ với quê hương, đất nước. Cặp vần “ra” - “xa”, “xa” - “nhà” không chỉ có tác dụng ngữ âm nối kết với cặp vần “quà” - “Pa” ở hai dòng thơ đầu, mà nó còn diễn tả rõ hơn ý nghĩa về tình yêu, lòng tự hào và tinh thần dân tộc của tác giả về quê hương, đất nước và những sản vật của quê hương, đất nước.

Thực tế, vần được hiệp bao giờ cũng nhấn mạnh hơn các từ khác trong thơ. Nếu đặt được những từ được hiệp vần chứa lượng thông tin cao vào vị trí của vần, ý nghĩa có nó sẽ được làm nổi bật, tạo ấn tượng sâu đậm trong ý thức độc giả. Vì thế, trong các sáng tác thơ của mình, nhà thơ Cẩm Biều thường hiệp vần vào các vị trí âm tiết có ý nghĩa “rất đắt”.

Chẳng hạn, trong bài *Đường đời* (Cẩm Biều, 1994, Ngọn lửa không tắt, tr.315) có đoạn: “...*Nơi vực thẳm đã được mách thang leo/ Đường cách mạng không có cong queo/ Sông sâu thì lặn, núi cao thì trèo/ Dịch chung là xóa bỏ đói nghèo/ Người với người chan hoà hạnh phúc/ Đường có đoạn, sông có khúc/ Ta không vượt đại dương bằng con thuyền độc mộc/ Cũng không chờ trời, nằm ủ giắc mơ/ Ta không làm con sông nước chảy lững lờ/ Mà kiên tâm đi lên phía trước*”. Đoạn thơ này có các âm tiết được gieo vần chân như: “leo” - “queo” - “trèo” - “nghèo”, “phúc” - “khúc”, “mơ” - “lờ”. Có thể nói, các âm tiết hiệp vần chân này chứa nội dung thông tin cao. “Thang leo” - hình ảnh tượng trưng cho con đường cách mạng có Đảng, có Bác chỉ lối. “Đường cách mạng không có cong queo” - đó là một con đường có mục đích giải phóng dân tộc, đem lại hoà bình ấm no, mục đích ấy rất rõ ràng, sáng tỏ. “Núi cao thì trèo” - đó là sự vượt qua những khó khăn, trở ngại là lẽ đương nhiên trên con đường cách mạng, giành độc lập, giải phóng dân tộc. “Xóa bỏ đói nghèo” - là xóa bỏ cuộc sống lầm than cơ cực, thiết lập một đời sống mới, tốt đẹp hơn. “Hạnh phúc” là niềm vui sống chan hoà của người với người, của đồng bào các dân tộc. “Đường có đoạn, sông có khúc” - chỉ những hạnh phúc, niềm vui trong cuộc sống không phải lúc nào cũng vẹn tròn, có khi trắc trở, gian khó sẽ tới để thử lòng, thử ý chí của con người. “Cũng không chờ trời, nằm ủ giắc mơ” - ý chỉ không mường tượng, không chờ đợi, không mộng tưởng về ngày “hạnh phúc” mà không làm gì. “Ta không làm con sông nước chảy lững lờ” - ý muốn nói không thờ ơ, không mặc kệ, cần phải xung phong, quyết tâm, kiên định với con đường phía trước...

Hoặc, mở đầu trong bài thơ *Nam Bắc một nhà* (Cẩm Biều, 1982, Cầu vồng bản, tr.123) có đoạn: “*Đôi ta, dù khác bản ta chung mừng/ Dù khác phương cùng chung đất nước/ Dù xuôi, ngược chung một Cù Hồ*”. Đoạn thơ này có các âm tiết được gieo vần lưng “mừng” - “phương”, “nước” - “ngược”. Các âm tiết được hiệp trong cặp vần lưng kể trên đã nhấn mạnh vào ý nghĩa thể hiện tinh thần đoàn kết của đồng bào các dân tộc anh em cùng chung sống trên mảnh đất Việt Nam, từ Nam chí Bắc đều đồng lòng “Bắc Nam sum họp”, cùng hướng về Tổ quốc, hướng về “một Cù Hồ”. Đây là những vị trí âm tiết hiệp vần rất đắt trong các câu thơ này, chúng góp phần nhấn mạnh ý nghĩa mở đầu của cả bài thơ.

Hay, trong bài thơ *Tội ác giặc Tây* (Cẩm Biều, 1994, Bản Mường nhớ ơn, tr.22) có đoạn: “*Nay nước chúng bị Đức xâm chiếm/ Chúng đoán Nhật tràn vào Đông Dương/ Bắt dân ta làm bia đỡ đạn/ Bao trai trẻ bỏ mạng chết thay... Chúng bắt phu xuống Mọc Châu làm đường Pha - đĩ/ Biết bao người gãy cổ xương tan/ Bỏ ruộng nương vườn hoang nhà nát/ Nương bông chỉ còn gốc/ Nương ngô cỏ ngập đầu*”. Nhà thơ Cẩm Biều đã gieo các cặp vần lưng: “đạn” - “mạng”, “tan” - “hoang”. Các âm tiết được gieo vần lưng chưa chứa nội dung thông tin cao. “Bia đỡ đạn” và “bỏ mạng” - là hình ảnh được nhấn mạnh nhờ âm tiết hiệp vần “đạn” và “mạng”. Cặp vần lưng này mang đến cho độc giả những ấn tượng về thông tin tội ác giặc Tây lấy dân ta làm “bia đỡ đạn” khiến “bao trai trẻ” phải “bỏ mạng” trong cuộc chiến phi nghĩa. “Xương tan” và “vườn hoang” - là hình ảnh được nhấn mạnh nhờ âm tiết hiệp vần “tan” và “hoang”. Cặp vần lưng này giúp cho người đọc “ám ảnh” về những hệ quả chiến tranh khốc liệt với giặc Pháp.

Rõ ràng, các âm tiết được hiệp vần trong đoạn thơ trên chứa nội dung thông tin cao, khi tác giả Cẩm Biều lựa chọn chúng để hiệp vần đã tạo nên một hiệu ứng rất tốt. Ý nghĩa chúng được làm nổi bật

nhờ vào yếu tố ngữ âm, sự nhấn mạnh, ngắt nghỉ tại vần chân, vần lưng. Điều đó giúp cho thông điệp, tư tưởng mà tác giả gửi gắm trong lời thơ hiện lên rõ hơn trong ý thức, gây được ấn tượng sâu sắc với độc giả.

3. Kết luận

Đứng trước tình hình một số ngôn ngữ dân tộc thiểu số có thể bị thu hẹp về chức năng thậm chí mai một, việc nghiên cứu ngôn ngữ dân tộc thiểu số nói chung, ngôn ngữ dân tộc Thái nói riêng mang ý nghĩa bảo tồn giá trị văn hoá tộc người.

Nghiên cứu về vần trong thơ Chăm Biêu xét về phương diện vị trí gieo vần (vần chân, vần lưng), bài viết đóng góp vào quá trình nghiên cứu thơ ca dân tộc thiểu số nói chung và tác dụng của vần chân, vần lưng trong các tác phẩm của tác giả Chăm Biêu.

Giá trị ngôn ngữ của vị trí gieo vần chân, vần lưng trong thơ Chăm Biêu thể hiện rất rõ ở ba bình diện: vần chân, vần lưng có khả năng tổ chức, cấu tạo văn bản, liên kết các dòng thơ trong khổ và các khổ thơ với nhau. Chúng được coi như “chiếc cầu nối kết” tạo nên sự liên mạch trong thơ Chăm Biêu. Đồng thời, vần chân, vần lưng trong thơ Chăm Biêu còn là cơ sở tạo nên nhịp cho thơ, có khả năng nhấn mạnh sự ngừng nhịp rõ nét. Không những thế, chúng còn có sức mạnh biểu đạt ý nghĩa, định hướng tư duy, tình cảm người đọc trong việc cảm nhận nội dung thông tin mà tác giả muốn đề cập đến.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lại Nguyên Ân (2003), *150 thuật ngữ văn học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.314.
2. Lê Anh Hiền (2002), *Thơ ca ngôn ngữ tác giả và tác phẩm*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.13.
3. Bùi Văn Nguyên, Hà Minh Đức (2003), *Thơ ca Việt Nam hình thức và thể loại*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.317.
4. Trịnh Cẩm Lan (2019), *Thích nghi giao tiếp và thái độ ngôn ngữ - những cơ chế tâm lý - xã hội ảnh hưởng đến sự mai một ngôn ngữ*, Tạp chí Ngôn ngữ và đời sống, số 10(290)-2019, tr.94-100.
5. Hoàng Phê (2011), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, tr.1372.
6. Trần Đại Tạo (2012), *Viết từ miền hoa ban*, Tiểu luận - Phê bình, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.170.
7. Trần Đại Tạo (2012), *Viết từ miền hoa ban*, Tiểu luận - Phê bình, Nxb Mỹ thuật, Hà Nội, tr.23.
8. Kiều Thanh Thảo (2019), *Đặc điểm ngôn ngữ thơ Chăm Biêu*, luận văn, Trường Đại học Tây Bắc.
9. Trần Thị Việt Trung (Chủ biên) (2013), *Nghiên cứu, lý luận phê bình văn học dân tộc thiểu số Việt Nam thời kì hiện đại - diện mạo và đặc điểm*, Nxb Đại học Thái Nguyên, Thái Nguyên, tr.572.

NGŨ LIỆU

Chăm Biêu:

- (1982), *Cầu vào bản*, Tập thơ, Ty Văn hoá và Thông tin Sơn La, Sơn La.
- (1984), *Ánh hồng Điện Biên*, Tập thơ, Nxb Văn hoá, Hà Nội.
- (1994), *Bản Mường nhớ ơn*, Tập thơ, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn Sơn La, Sơn La.
- (1994), *Ngọn lửa không tắt*, Tập thơ, Nxb Văn hoá Dân tộc, Hà Nội.

Values of Cam Bieu's poem language from rhyming position

Abstract: Researching on the value of ethnic minority literary languages in general and Thai ethnic poetries in particular is a matter of interest to many researchers. The article surveys the rhyming position in Cam Bieu's poetries. In fact, the number of end rhymes and mid rhymes accounts for a large proportion in his poetry collections. End and mid rhymes have affected the linguistic features of Cam Bieu's poetry on three fronts: they have ability to organize and structure texts, link lines in stanzas and stanzas together, and emphasize the importance of their stop the beat and make an impression in the process of expressing meaning.

Key words: end rhyme; mid rhyme; artistic expression value - content; poetry; Cam Bieu.